

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2020

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đáng

Ông Huỳnh Văn Đương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:
Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2020/ TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/QĐST –HNGĐ ngày 27/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hùng H, sinh năm 1989. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Chị Lê Thị Lệ H, sinh năm 1973. Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Ấp Th, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Hùng H trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2019 anh H và Lê Thị Lệ H do quen biết và tìm hiểu nhau nên tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn

thường xuyên cự cãi về lối sống và kinh tế gia đình nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh H yêu cầu xin ly hôn với chị Lê Thị Lệ H.

- *Về con chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Lê Thị Lệ H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị H trình bày:

Về hôn nhân: Thông nhất lời trình bày của anh Nguyễn Hùng H về thời gian điều kiện, hoàn cảnh kết hôn; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh H có người phụ nữ khác bên ngoài, nay anh H yêu cầu ly hôn chị không đồng ý.

- *Về con chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định theo Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị H; Về con chung, về tài sản và nợ chung: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Hùng H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phần kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm giải quyền quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Anh H và chị H xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của anh H và chị H là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H trình bày nguyên nhân mâu là do vợ chồng thường xuyên cự cãi về lối sống và kinh tế gia đình nên anh và chị H đã sống ly thân khoảng 09 tháng nay. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng anh, chị hàn gắn. Mặc dù tại biên bản ghi lời khai (bút lục 23) chị H không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị H vắng mặt không có lý do thể hiện chị H không có thiện chí hàn gắn, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cương quyết xin ly hôn với chị H. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

[4] *Về con chung*: Anh H và chị H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Buộc anh Nguyễn Hùng H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho Anh Nguyễn Hùng H được ly hôn với chị Lê Thị Lê H.

2. *Về con chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

4. *Về án phí*: Buộc anh Nguyễn Hùng H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp theo biên lai số 0008580, ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Đáng Huỳnh Văn Dương

Nguyễn Thị Thanh Mai